

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày: 19 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hòa - Cán bộ hưu trí phường Ba Đồn.

2. Ông Nguyễn Vĩnh Quý - Bí thư thị đoàn thị xã Ba Đồn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thành Tr1; sinh ngày sinh ngày 18/02/1992 tại huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn T1, xã Tr3, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1964 và bà Đoàn Thị Th1, sinh năm 1968; vợ: Nguyễn Thúy A1, sinh năm 1985 (đã ly hôn) và con: Nguyễn Đức Tr1 H1, sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Sinh ra và lớn lên tại huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị, học đến lớp 5/12 thì nghỉ học sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 02/4/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đức Th2; sinh ngày 19/7/2002 tại huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn T1, xã Tr3, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đức T3, sinh năm 1974 và bà Trịnh Thị Th3, sinh năm 1978; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Sinh ra và lớn lên tại huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị, học đến lớp 12/12 thì nghỉ học, sau đó vào thành phố Đà Nẵng lao động

tự do cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 02/4/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Văn Ph1; sinh ngày 20/9/1999 tại huyện Gi1, tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Thôn A2, xã Gi2, huyện Gi1, tỉnh Quảng Trị. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Văn H2, sinh năm 1973 và bà Lê Thị V, sinh năm 1976; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Sinh ra và lớn lên tại huyện Gi1, tỉnh Quảng Trị, học đến lớp 10/12 thì nghỉ học, sau đó sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/02/2021 đến ngày 02/4/2021, được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Phi H3; tên gọi khác: Guây, sinh ngày 04/02/2004 tại huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị. **Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 9 tháng 28 ngày.** Nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn A3, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn T4, sinh năm 1974 và bà Hoàng Thị L1, sinh năm 1982; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Sinh ra và lớn lên tại huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị, học đến lớp 11/12 thì nghỉ học, sau đó sinh sống tại địa phương cho đến ngày phạm tội.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/02/2021 cho đến nay. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Phi H3:*

Bà Hoàng Thị L2, sinh năm 1982 (Là mẹ đẻ của bị cáo)

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn A3, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phi H3:*

Ông Phan Trọng H4 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Tr1 tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị hại:*

Chị Nguyễn Thị L3, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Thiều Quang Ph2, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn B, xã Gi2, huyện Gi1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

2. Anh Đặng Sỹ Anh T5, sinh năm 2005

Địa chỉ: Thôn A3, xã Tr3, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn A3, xã Tr3, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

(Đồng thời là người đại diện hợp pháp của anh Đặng Sỹ Anh T5)

- *Đại diện Đoàn thanh niên thị trấn A3, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 10 năm 2020, thông qua ứng dụng Messenger, Nguyễn Thành Tr1 sử dụng tài khoản Facebook “Tr1 H1” nhắn tin đến tài khoản Facebook “Nguyễn Đức Th2” của Nguyễn Đức Th2 với nội dung bảo Th2 tìm người có thể “hack Facebook” để lừa đảo, sau đó Tr1 sẽ cung cấp số tài khoản ngân hàng không chính chủ để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, Th2 đồng ý. Đến đầu tháng 11 năm 2020, thông qua ứng dụng Messenger, Nguyễn Đức Th2 nhắn tin đến tài khoản “Nguyễn H3” của Nguyễn Phi H3 với nội dung nếu H3 có “hack Facebook” để lừa đảo thì Th2 sẽ cung cấp số tài khoản để nhận tiền chiếm đoạt được, H3 hiểu và đồng ý (trước đó Nguyễn Phi H3 có gặp và chủ động đặt vấn đề với Nguyễn Đức Th2 nếu “hack Facebook” rồi lừa đảo chiếm đoạt được tài khoản thì H3 cần số tài khoản để nhận tiền).

Trong quá trình đó Tr1 đã gặp Ph1 và nói với Ph1 tìm kiếm tài khoản ngân hàng không chính chủ để nhận tiền chiếm đoạt được từ hành vi lừa đảo thông qua hình thức “hack Facebook”, Ph1 đồng ý. Ngày 14/11/2020, Ph1 gặp anh Thiệu Quang Ph2 và hỏi mượn thẻ ngân hàng, anh Ph2 đồng ý và đưa cho Ph1 mượn 01 thẻ ATM thuộc ngân hàng BIDV, số tài khoản 56010001517338, cung cấp mật khẩu thẻ là “110299” cho Ph1 và 01 sim điện thoại thuộc nhà mạng Mobiphone số thuê bao 0905847718 là số điện thoại dùng để nhận thông báo biến động số dư và liên kết tài khoản trong ứng dụng BIDV Smartbanking của số tài khoản trên. Đến tối cùng ngày, Ph1 gặp Tr1 và đưa thẻ ngân hàng, thẻ sim, thông tin tài khoản và mật khẩu thẻ mượn được của Phi cho Tr1.

Sau đó, Tr1 nhắn tin cho Th2 gửi thông tin số tài khoản ngân hàng 56010001517338 mang tên Thiệu Quang Ph2 mở tại ngân hàng BIDV và Th2 thông báo cho Nguyễn Phi H3 biết thông tin số tài khoản trên. Đến ngày 02/12/2020, Nguyễn Phi H3 đã “hack” và chiếm đoạt được tài khoản Facebook tên “Hoa Nguyễn” của chị Nguyễn Thị H5, hiện đang xuất khẩu lao động tại nước Hàn Quốc là con gái của chị Nguyễn Thị Lê, trú tại thôn Vĩnh Phước, xã Quảng Lộc, thị xã Ba Đồn. Sau đó, Hùng sử dụng tài khoản Facebook này mạo danh là chị Hoa rồi nhắn tin đến tài khoản Facebook tên “Nguyễn L3” của chị Nguyễn Thị L3. Quá trình nhắn tin H3 đã đưa ra thông tin là mẹ của bạn bị ốm và nhờ chị L3 chuyển số tiền 35.000.000 đồng cho bạn của H5, đồng thời Hùng gửi số tài khoản ngân hàng 56010001517338 mang tên Thiệu Quang Ph2 cho chị L3. Vì tin tưởng là con gái nhắn tin thật nên chị L3 đã đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện Quảng Trạch - Bắc Quảng Bình chuyển số tiền 35.000.000 đồng vào số tài khoản 56010001517338.

Sau khi chị L3 chuyển tiền thành công, Nguyễn Phi H3 nhắn tin hỏi Nguyễn Đức Th2 đã nhận được tiền chưa, Th2 hỏi lại Nguyễn Thành Tr1 thì Tr1 báo đã nhận được số tiền 35.000.000 đồng. Sau đó Tr1 đến gặp Phúc rồi đưa thẻ ATM của Thiệu Quang Ph2 cho Ph1 để Ph1 đến cây ATM rút số tiền 35.000.000 đồng về đưa cho Tr1. Sau đó, Tr1 chia cho Phúc số tiền 1.000.000 đồng rồi giữ lại số tiền 7.200.000 đồng và chuyển vào số tài khoản 0771000605970 mang tên Nguyễn Đức Th2 mở tại ngân hàng Vietcombank số tiền 26.800.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Th2 đã liên hệ với H3 và nói số tiền còn lại là 26.800.000 đồng, vì trước đó H3 và Th2 đã thỏa thuận với nhau khi chiếm đoạt được tiền thì người “hack Facebook” sẽ được chia 70% số tiền còn người nắm giữ số tài khoản nhận tiền sẽ được chia 30% số tiền đã chiếm đoạt được. Tiếp đó, H3 gặp anh Đặng Sỹ Anh T5 và hỏi mượn được 01 thẻ ATM của ngân hàng Vietcombank, số tài khoản 0771000605766 mang tên Nguyễn Thị M (đây là số tài khoản của chị Nguyễn Thị M, mẹ đẻ của anh Đặng Sỹ Anh T5) đồng thời cung cấp mật khẩu thẻ cho H3. H3 tiếp tục nhắn tin cho Th2 và yêu cầu Th2 chuyển vào số tài khoản trên số tiền 22.000.000 đồng, Th2 được hưởng số tiền còn lại là 4.800.000 đồng.

Tổng số tiền mà Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Ph1 đã lừa đảo chiếm đoạt được của chị Nguyễn Thị L3 là 35.000.000 đồng, các bị cáo sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ từ chị Nguyễn Thị L3 01 giấy nộp tiền mặt số tiền 35.000.000 đồng vào số tài khoản 56010001517338 mang tên Thiệu Quang Ph2 mở tại ngân hàng BIDV vào ngày 02/12/2020; bản in toàn bộ nội dung cuộc trò chuyện trên ứng dụng Messenger mà Nguyễn Phi H3 sau khi “hack” được tài khoản Facebook “H5 Nguyễn” đã mạo danh chị Nguyễn Thị H5 để nhắn tin cho chị L3 yêu cầu chuyển tiền để chiếm đoạt; thu giữ bản in các giao dịch chuyển tiền của số tài khoản 56010001517338 mang tên Thiệu Quang Ph2 mở tại ngân hàng BIDV thông qua ứng dụng BIDV Smartbanking, bản in nội dung cuộc trò chuyện trên ứng dụng Messenger và ứng dụng Zalo giữa anh Thiệu Quang Ph2 và Ph1 liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo từ điện thoại của anh Thiệu Quang Ph2; thu giữ bản sao kê giao dịch chuyển tiền của các số tài khoản 56010001517338 mang tên Thiệu Quang Ph2 mở tại ngân hàng BIDV; số tài khoản 0771000605970 mang tên Nguyễn Đức Th2 mở tại ngân hàng Vietcombank và số tài khoản 0771000605766 mang tên Nguyễn Thị M mở tại ngân hàng Vietcombank liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về dân sự: Các bị cáo Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Ph1 đã bồi thường đầy đủ số tiền 35.000.000 đồng cho bị hại chị Nguyễn Thị L3. Các bên cam kết không khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến phần dân sự về sau.

Tại bản Cáo trạng số 19/CT-VKSBD ngày 20 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đã truy tố các bị cáo Nguyễn

Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Ph1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn phát biểu ý kiến giữ nguyên quan điểm truy tố và luận tội, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Ph1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ Luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; bị cáo Ph1 từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng; bị cáo Nguyễn Đức Th2 từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng; Riêng đối với bị cáo Nguyễn Phi H3 áp dụng thêm Điều 91 Bộ luật Hình sự, xử phạt từ 07 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 tháng đến 18 tháng. Thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/5/2021).

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phi H3 nhất trí với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn truy tố, luận tội và của Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Tuy nhiên người bào chữa cho rằng: Bị cáo H3 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo đang ở tuổi vị thành niên, chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, nhận thức pháp luật còn hạn chế, bản thân bị cáo không có tiền án, tiền sự, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho chủ sở hữu, quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương để bị cáo có điều kiện tu dưỡng, rèn luyện trở thành người tốt có ích cho xã hội, đồng thời cũng để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo nhất trí như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố và phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn, Điều tra viên; cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại gì nên không xem xét.

[2] Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Ph1 đều thừa nhận: Cuối tháng 10 năm 2020, Nguyễn Thành Tr1 sử dụng tài khoản Facebook nhắn tin cho Nguyễn Đức Th2 bảo Th2 tìm người “hack Facebook” để lừa đảo, sau đó Tr1 sẽ cung cấp số tài khoản ngân hàng không chính chủ để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, Th2 đồng ý. Đầu tháng 11 năm 2020, Nguyễn Đức Th2 nhắn tin cho Nguyễn Phi H3 với nội dung nếu H3 “hack Facebook” để lừa đảo thì Th2 sẽ cung cấp số tài khoản để nhận tiền chiếm đoạt được, Hùng đồng ý. Trước đó Nguyễn Phi H3 có gặp và chủ động đặt vấn đề với Nguyễn Đức Th2 nếu “hack Facebook” rồi lừa đảo chiếm đoạt được tài khoản thì Hùng cần số tài khoản để nhận tiền. Tr1 cũng đã gặp Ph1 và nói Ph1 tìm tài khoản ngân hàng không chính chủ để nhận tiền chiếm đoạt được từ hành vi lừa đảo thông qua hình thức “hack Facebook”, Ph1 đồng ý. Ngày 14/11/2020, Ph1 đưa thẻ ngân hàng, thẻ sim, thông tin tài khoản và mật khẩu thẻ mượn được của anh Thiệu Quang Ph2 cho Tr1. Sau đó, Tr1 nhắn tin cho Th2 gửi thông tin số tài khoản ngân hàng mang tên Thiệu Quang Phi. Đến ngày 02/12/2020, Nguyễn Phi H3 đã “hack” và chiếm đoạt được tài khoản Facebook của chị Nguyễn Thị H5. Sau đó, Hùng sử dụng tài khoản Facebook này mạo danh là chị H5 rồi nhắn tin đến tài khoản Facebook của chị Nguyễn Thị L3 (là mẹ của chị H5). Hùng đã đưa ra thông tin là mẹ của bạn bị ốm và nhờ chị L3 chuyển số tiền 35.000.000 đồng cho bạn của H5, đồng thời Hùng gửi số tài khoản ngân hàng 56010001517338 mang tên Thiệu Quang Ph2 cho chị L3. Vì tin tưởng là con gái nhắn tin thật nên chị L3 đã đến Ngân hàng chuyển số tiền 35.000.000 đồng cho H3. Sau khi chị L3 chuyển tiền thành công, các bị cáo đã chia nhau sử dụng tiền vào mục đích tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi của các bị cáo thông qua tài khoản mạng xã hội Facebook, đưa ra những thông tin giả, không đúng sự thật làm cho bị hại chị Nguyễn Thị L3 tin là thật và giao tài sản cho các bị cáo. Trong đó bị cáo Nguyễn Phi H3 là người trực tiếp “hack Facebook”, sau đó mạo danh chủ tài khoản để nhắn tin làm cho bị hại tin tưởng và chuyển tiền. Bị cáo Ph1 là người trực tiếp tìm kiếm tài khoản ngân hàng để đưa cho Nguyễn Thành Tr1 thông qua Nguyễn Đức Th2 để cùng với Nguyễn Phi H3 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại. Sau đó các bị cáo Tr1, Hùng, Th2, Ph1 phân phối ăn chia số tiền chiếm đoạt được cùng nhau hưởng lợi bất chính. Tổng số tiền mà Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Ph1 đã lừa đảo chiếm đoạt được của bị hại chị Nguyễn Thị L3 là 35.000.000 đồng.

Vì vậy, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đối với các bị cáo là có cơ sở. Như vậy đã có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Ph1 là lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây hoang mang, lo sợ cho người dân tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật hình sự nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục và mang tính phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả mà các bị cáo đã gây ra cho bị hại; Mặt khác, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, coi thường pháp luật cần phải xử lý nghiêm nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo.

Riêng đối với bị cáo Nguyễn Phi H3 mặc dù là người trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo, tuy nhiên đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Hùng chỉ mới 16 tuổi 9 tháng 28 ngày, vì vậy sự nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, cũng như nhận thức của bị cáo về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội chưa đầy đủ, nên cần áp dụng những quy định về xử lý hình sự đối với bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại các Điều: Điều 90, Điều 91 Bộ Luật hình sự để xem xét cho bị cáo là phù hợp.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Nguyễn Thành Tr1 là người nảy sinh ý định từ trước và khởi xướng tìm người “hack Facebook” để lừa đảo đồng thời cũng là người cung cấp số tài khoản ngân hàng không chính chủ để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo Nguyễn Phi H3 là người trực tiếp “hack Facebook”, sau đó mạo danh chủ tài khoản để nhắn tin làm cho bị hại tin tưởng và chuyển tiền. Bị cáo Ph1 là người trực tiếp tìm kiếm tài khoản ngân hàng để đưa cho Nguyễn Thành Tr1 thông qua Nguyễn Đức Th2 để cùng Nguyễn Phi H3 thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại. Như vậy, bị cáo Tr1 phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo Phúc và Th2; đối với bị cáo Nguyễn Phi

H3 khi phạm tội là người chưa thành niên nên cần áp dụng các quy định đối với người chưa thành niên phạm tội là phù hợp.

[7] Về dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Ph1 đã bồi thường đầy đủ số tiền 35.000.000 đồng cho bị hại chị Nguyễn Thị L3. Các bên cam kết không khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến phần dân sự về sau. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Trong vụ án này, anh Thiệu Quang Ph2 là người cho Ph1 mượn thẻ ATM, tuy nhiên khi bị cáo Ph1 mượn thẻ ngân hàng của anh Ph2 thì Ph1 không nói mượn thẻ vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thì anh Ph2 không biết và cũng không được hưởng lợi ích vật chất gì. Vì vậy hành vi của anh Thiệu Quang Ph2 không phạm tội.

Đối với những người liên quan anh Đặng Sỹ Anh T5 và chị Nguyễn Thị M (là mẹ đẻ của anh Đặng Sỹ Anh T5): Anh T5 là người đã cho Nguyễn Phi H3 mượn thẻ ngân hàng số tài khoản 0771000605766 mang tên Nguyễn Thị M mở tại ngân hàng Vietcombank để nhận tiền đã lừa đảo chiếm đoạt được, quá trình Nguyễn Phi H3 mượn thẻ ngân hàng từ Đặng Sỹ Anh T5 thì H3 không nói mượn thẻ vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quá trình thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thì Đặng Sỹ Anh T5 và chủ tài khoản là chị Nguyễn Thị M không biết và cũng không được hưởng lợi ích vật chất gì, vì vậy hành vi của anh T5, bà M không phạm tội.

[9] Ngoài vụ án này, các bị cáo còn khai nhận cùng với phương thức, thủ đoạn như trên các bị cáo đã thực hiện thêm 04 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của cùng 01 người chuyển tiền đến thông qua số tài khoản 1016381626 mở tại ngân hàng Vietcombank mang tên Trần Thanh B có địa chỉ tại Lưu Th4, Phú T6, Phú X, Hà Nội, cụ thể: Vào ngày 20/11/2020 chiếm đoạt số tiền 29.900.000 đồng; vào ngày 25/11/2020 chiếm đoạt số tiền 14.000.000 đồng; vào ngày 28/11/2020 chiếm đoạt số tiền 7.500.000 đồng; vào ngày 29/11/2020 số tiền 10.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã làm công văn thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền; khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Ngoài ra các bị cáo Trần Đức Th2, Nguyễn Thành Tr1 khai nhận cùng với Đặng Sỹ Anh T5 thực hiện 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản với phương thức, thủ đoạn tương tự, cụ thể: Vào ngày 25/11/2020 lừa đảo chiếm đoạt được số tiền 30.000.000 đồng, số tài khoản chuyển tiền đến là 102800787899 mở tại ngân hàng Viettinbank mang tên “Nguyễn Ngọc L4” có địa chỉ tại BT19 - Đường Trương Văn L5, xã Nghi Ph3, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã làm công văn thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An để xác minh, giải quyết theo thẩm quyền, khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[10] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Ph1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Bộ Luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Phi H3 áp dụng thêm các Điều 90, Điều 91 Bộ luật hình sự, xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Trần Văn Ph1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr1 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24(hai mươi bốn) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2021). Giao bị cáo Nguyễn Thành Tr1 cho Ủy ban nhân dân xã Triệu Ái, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th2 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2021). Giao bị cáo Nguyễn Đức Th2 cho Ủy ban nhân dân xã Tr3, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; xử phạt bị cáo Trần Văn Ph1 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/5/2021). Giao bị cáo Ph1 cho Ủy ban nhân dân xã Gi2, huyện Gi1, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo; xử phạt bị cáo Nguyễn Phi H3 08 (Tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (Mười sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/5/2021). Giao bị cáo Nguyễn Phi H3 cho Ủy ban nhân dân thị trấn A2, huyện Tr2, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thành Tr1, Nguyễn Phi H3, Nguyễn Đức Th2 và Trần Văn Ph1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người bào chữa và người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Phi H3 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/5/2021); đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan(vắng mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi họ thường trú./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- TAND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Người bào chữa, người đại diện BC
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Dương